

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+CLO+RCDM	7:25	5+9+0	0+0+0		10+2+9	0+0+0	
2		TTCl+P6+P11	7:25	0+0+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 PAX TTCl-P6
3		P9+BK3+TD1	7:25	12+5+2	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
4		TD2+BK10+BK14	9:25	13+5+0	0+0+0		8+10+4	0+0+0	
5		P2+P10+P4	9:25	15+7+0	0+0+0		12+2+8	0+0+0	
6		PVD1+BK8+P2	9:25	6+0+12	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
7		BK5+P10	11:25	4+14	0+0		0+22	0+0	
8		P9+P8	11:25	15+0	0+0		15+7	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/01/2019	TO: BK4 - CLO - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Vận - KHOÀN - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A.M	BK4	68	1	10		88	KH-THAC	Russian
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	69	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	BK4	70	1	4	6	80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	BK4	74	1	5	4	76	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	71-72	2	6	80	67	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HAI	CLO	67	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN ANH	CLO					77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN KỶ	CLO					64	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ANH TUẤN	CLO					72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUẤN	CLO	69	1	7	30	57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	70	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC HÀ	CLO					77	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN GIANG	CLO					78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLO	68	1	4		97	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	5	6	31	387	90	10		
2	CLO	9	4	33	684	30	2		
3	RCDM	0	0	0	0	40	9		
TOTAL		14	10	64	1.071	160	21		
WEIGHT KG				64	1.071	160			

GRAND TOAL: 1.295 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/01/2019	TO: TTC1 - P6 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HU'NG - Khang - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MANH CUONG	P11	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN CO	P11	55	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NGOC ANH	P11					77	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI CONG LAN	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN TUAN	P11	98	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DANG HOANG	P11	94	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG BANG	P11	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NG. TRUONG NHAT MINH	P11	92	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH BA NINH	P11	90-91	2	10	30	56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUONG	P11	56	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEN	P11	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	PHAM NGOC CHI	P11	57,89	2	7		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	0	0	0	0	0	0+1		CHUYEN 01 PAX TTC1 SANG P6
2	P6	0	0	0	0	0	0		
3	P11	12	12	62	797	30	22		
TOTAL		12	12	62	797	30	22		
WEIGHT KG				62	797	30			

GRAND TOAL: 889 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/01/2019	TO: P9 - BK3 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐĂNG TÂM	P9	21	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN KIM CUONG	P9	24	1	5		62	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN BA THANH	P9	18	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG TUNG	P9					69	KH-THAC	Vietnamese
5	BAEV	P9					86	ANTOAN	Russian
6	HỒ ĐỨC HIEN	P9	16	1	9		50	YTE	Vietnamese
7	NGO MANH HUNG	P9	23	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN QUÊ	P9	22	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TÂM THUY	P9	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO VIỆT HAI	P9	20	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LĂNG TÚ	P9	19	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN TÚ	BK3				70	76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HIEN TRUONG	BK3	18	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VINH	BK3	20	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA DUY	BK3	17	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC MẠN	BK3	19,21	2	10		59	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THE DUNG	TD1	98-99	2	15	35	58	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG DUNG	TD1	500	1	12		73	DVL	Vietnamese
19	VU ANH TRONG	TD1	97	1	11		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

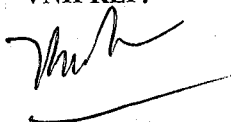
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	11	9	58	765	0	7		
2	BK3	5	5	24	329	70	6		
3	TD1	3	4	38	196	35	9		
TOTAL		19	18	120	1.290	105	22		
WEIGHT KG				120	1.290	105			

GRAND TOAL: 1.515 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/01/2019	TO: TD2 - BK10 - BK14	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Luy	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHVETNIKOV V.I	TD2	39	1	10		90	KH-THAC	Russian
2	LUU TIEN THANH	TD2	08	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOANG	TD2	36	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG KHA	TD2	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE HANH	TD2	09	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	DO TRUONG THINH	TD2	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN ANH TUAN	TD2	10	1	7		67	DVL	Vietnamese
8	TRUONG QUOC THANG	TD2	40	1	15	50	82	DVL	Vietnamese
9	TRUONG MINH KHANH	TD2	26	1	10		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN NGOC	TD2	41	1	5		53	DVL	Vietnamese
11	DO NGOC DUYEN	TD2	42	1	12		76	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUNG	TD2	37	1	5		80	PSV	Vietnamese
13	SHENSHIN	BK10	79	1	10		90	KH-THAC	Russian
14	NGUYEN QUOC HOAN	BK10	68	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN CHAU NAM	BK10	67	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGHIEM XUAN ANH	BK10	66	1	5	80	62	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI CAO DINH	BK10	69-71	3	12		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	12	94	861	50	8		
2	BK10	5	7	39	365	80	10		
3	BK14	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		17	19	133	1.226	130	22		
WEIGHT KG				133	1.226	130			

GRAND TOAL: 1.489 KGS

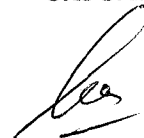
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/01/2019	TO: P2 - P10 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LONG	P2	95	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PARSHIN	P2	92-93	2	15	20	88	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	88	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẦN ANH ĐỨC	P2	84	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG QUỐC BẢO	P2					64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN CƯỜNG	P2	89-91	3	15		87	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	82	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	81	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ TUẤN VIỆT	P2	80	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	79	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	87	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	85-86	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH UT	P2	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGUYỄN PHONG	P10	13	1	13	30	72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HÙNG MÊN	P10	11	1	5		64	YTE	Vietnamese
17	LÊ QUANG THẮNG	P10	14	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
18	PODYMОВ D.N	P10	12	1	9		146	KH-THAC	Russian
19	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	08	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN KIM NGỌC	P10	10	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ HÙNG	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	09	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	16	85	977	20	12		
2	P10	8	7	51	630	30	2		
3	P4	0	0	0	0	35	8		
TOTAL		22	23	136	1.607	85	22		
WEIGHT KG				136	1.607	85			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/01/2019	TO: PVD1 - BK8 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Vận - KHOÀN - Trường	ETA: 11:30
TRANG-2			

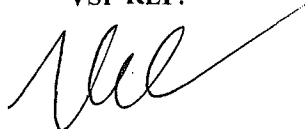
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUOC TUAN	PVD1	56-57	2	17		60	KHOAN	Vietnamese
2	BUI BAKIEN	PVD1	54-55	2	16		63	KHOAN	Vietnamese
3	HA NGOC LAM	PVD1	53	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN BIEN	PVD1	58	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
5	THAI DOAN MAO	PVD1	59	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
6	VU THANH QUOC	PVD1	52	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
7	HO CONG ANH	P2	78	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG THE VINH	P2	76	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN MINH XANH	P2	80	1	13		58	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG QUANG TE	P2	77	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO VAN HOI	P2	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH QUAN	P2					80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN THAI BINH	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
14	VO XUAN TUAN	P2	84	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HAN	P2	79	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	KHONG TIEN DUNG	P2	73-74	2	15	15	70	KHI	Vietnamese
17	ARKHIPOV	P2	72	1	12	70	95	ANTOAN	Russian
18	PHAM VAN DUC	P2					85	T-TIN	Vietnamese
19	LE TRI HAO	P2					65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	6	8	73	389	0	0		
2	BK8	0	0	0	0	0	2		
3	P2	13	10	85	955	85	20		
TOTAL		19	18	158	1.344	85	22		
WEIGHT KG				158	1.344	85			

GRAND TOAL: 1.587 KGS

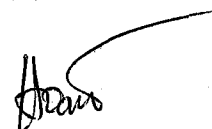
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/01/2019	TO: BK5 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: BK5-P1	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK5	05	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK5	01-02	2	12	30	64	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ ĐÌNH TUYẾN	BK5	03	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
4	HA CHIẾN THẮNG	BK5	04	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					49	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	65	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG SY NGUYỄN	P10	62	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ BẢO TRUNG	P10	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU TRI	P10	66	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ ĐÌNH VĂN	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỮU TRI	P10					60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	11	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	67	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH CÔNG VĂN	P10	12	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	64	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	5	27	253	30	0		
2	P10	14	10	56	985	0	22		
TOTAL		18	15	83	1.238	30	22		
WEIGHT KG				83	1.238	30			

GRAND TOAL: 1.351 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/01/2019	TO: P9 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Phong - Linh - Vũ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LINH	P9	36	1	8	55	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	32	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH THẾ NHAN	P9	37	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	25	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	38	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY	P9	40	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀU THẾ HẢI	P9	35	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
8	HƯA SAY	P9	33	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI CÔNG THẮNG	P9	30-31	2	13		55	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	29	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	26	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	27	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÀ KHA	P9	34	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
14	LUƠNG XUÂN THAI	P9					69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	28	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	16	16	83	1.122	55	15		
2	P8	0	0	0	0	35	7		
TOTAL		16	16	83	1.122	90	22		
WEIGHT KG				83	1.122	90			

GRAND TOAL: 1.295 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN